

KẾ HOẠCH

Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục và đào tạo Lào Cai giai đoạn 2018-2025

I. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI

1. Quy mô trường, lớp, học sinh được học môn Tin học:

Đến tháng 02/2018, toàn tỉnh có 432/646 trường, với 3.460 lớp, 97.906 học sinh và trẻ em được tiếp cận, học tập môn Tin học, trong đó:

- *Cấp mầm non*: có 60/199 trường, 262/2.129 lớp, 7.014/53.339 trẻ em được tiếp cận Tin học (đạt 30,15% số trường, 13,15 % số trẻ em).

- *Cấp tiểu học*: có 151/212 trường, 1.195/3.808 lớp, 28.536/70.978 học sinh học tự chọn môn Tin học (đạt 71,2% số trường, 40,2% số học sinh).

- *Cấp trung học cơ sở (THCS)*: có 175/189 trường, 1.364/1.953 lớp, 40.799/53.689 học sinh học chính khóa, tự chọn môn Tin học (đạt 92.6% số trường, 76% số học sinh).

- *Cấp trung học phổ thông (THPT)*: có 36/36 trường, 599/599 lớp, 20.324/20.324 học sinh học chính khóa môn Tin học (đạt 100% số trường, 100% số học sinh).

- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên (GDNN&GDTX)*: có 10/10 trung tâm, 40/83 lớp, 1.233/2.536 học viên tại trung tâm được học tin học để thi lấy chứng chỉ Tin học.

2. Cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT được trang bị đủ máy tính có kết nối mạng Internet phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành.

- Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học đối với các cơ sở giáo dục:

+ *Trường mầm non*: 60/199 trường có phòng học tin (các phòng máy có từ 05 đến 10 máy tính/phòng), có 743 máy tính/94 phòng học tin; máy tính phục vụ công tác quản lý: 438 máy tính/476 CBQL; 505 máy in, 212 máy chiếu, 10 bảng tương tác thông minh, 18 máy quay camera.

+ *Trường tiểu học*: 151/212 trường có phòng học tin, có 2.814 máy tính/164 phòng học tin; máy tính phục vụ công tác quản lý: 493 máy tính/496 CBQL; 763 máy in, 542 máy chiếu, 56 bảng tương tác thông minh, 96 máy quay camera.

+ *Trường THCS*: 175/189 trường có phòng học tin, có 3.438 máy tính/179 phòng học tin; máy tính phục vụ công tác quản lý: 418 máy tính/456 CBQL; 668

máy in, 862 máy chiếu, 38 bảng tương tác thông minh, 36 máy quay camera.

+ *Trường THPT*: 36/36 trường có phòng học tin, có 1.515 máy tính/70 phòng học tin; máy tính phục vụ công tác quản lý: 120 máy tính/111 CBQL; 297 máy in, 491 máy chiếu, 83 bảng tương tác thông minh, 17 máy quay camera.

+ *Trung tâm GDNN&GDTX*: có 410 máy tính/16 phòng học tin/10 trung tâm; máy tính phục vụ công tác quản lý: 35 máy tính/35 CBQL; 93 máy in, 65 máy chiếu.

+ *Kết nối Internet*: 640/646 cơ sở giáo dục có kết nối Internet (mạng VNPT cung cấp: 342 đơn vị; mạng Viettel cung cấp: 185 đơn vị; 124 trường sử dụng đường truyền internet của cả VNPT và Viettel).

3. Đội ngũ giáo viên, kỹ thuật viên:

Đội ngũ giáo viên Tin học hàng năm: được bổ sung, cử đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ có khả năng tiếp cận với yêu cầu tin học hóa trong công tác quản lý, tổ chức dạy học. Đến tháng 2/2018, toàn tỉnh có 413 giáo viên Tin học, 01 kỹ thuật viên, trong đó trình độ đại học 263, cao đẳng 150, trung cấp 01, cụ thể:

- *Cấp mầm non*: 0 giáo viên.

- *Cấp tiểu học*: 161 giáo viên/212 trường (trong đó: 85 đại học, 75 cao đẳng và 01 trung cấp).

- *Cấp THCS*: 168 giáo viên/189 trường (trong đó: 96 đại học, 72 cao đẳng).

- *Phòng GD&ĐT*: 2 chuyên viên/9 Phòng GD&ĐT có chuyên môn Tin học phụ trách CNTT.

- *Cấp THPT*: 71 giáo viên/36 trường, 01 kỹ thuật viên (trong đó: 69 đại học, 02 cao đẳng).

- *Trung tâm GDNN&GDTX*: 13 giáo viên/10 trung tâm (13 đại học).

4. Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, tổ chức giáo dục và giảng dạy:

4.1. Trong quản lý, điều hành:

a) Triển khai hệ thống website giáo dục:

- Cổng thông tin điện tử của Sở GD&ĐT: <http://sgddt.laocai.gov.vn/> hoạt động thường xuyên với nội dung chính như sau:

+ Giới thiệu cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Sở GD&ĐT và các đơn vị trực thuộc, trang tin các lĩnh vực, thư viện văn bản, trang thủ tục hành chính.

+ Thông tin về các hoạt động, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách; liên kết đến hệ thống website của Bộ GD&ĐT và các cơ quan liên quan khác, trả lời các câu hỏi của công dân gửi đến.

- Có 06 Phòng GD&ĐT đã triển khai hệ thống website cho các đơn vị trực thuộc là: Bắc Hà, Bảo Yên, Bát Xát, thành phố Lào Cai, Sa Pa, Văn Bàn; các Phòng GD&ĐT khác chưa triển khai được do chưa có kinh phí; các trường tự triển khai, tích hợp trên hệ thống vnEdu hoặc triển khai trên hệ thống của Violet; đơn vị

có website riêng: cấp mầm non: 73/199 trường (đạt 36,7%), cấp tiểu học: 83/212 trường (đạt 39,2%), cấp THCS: 122/189 trường (đạt 65%), cấp THPT: 17/36 trường (đạt 47%) cập nhật các thông tin, hoạt động giáo dục để tổ chức tuyên truyền.

b) Triển khai hệ thống thư điện tử @laocai.gov.vn:

- 100% cán bộ, chuyên viên Sở GD&ĐT được cấp, sử dụng email với tên miền riêng @laocai.gov.vn theo hướng dẫn của UBND tỉnh.

- Các phòng GD&ĐT, cơ sở giáo dục được cấp địa chỉ email tên miền @laocai.edu.vn phục vụ công tác điều hành và quản lý giáo dục; 100% văn bản thông thường được gửi, nhận qua hệ thống email.

- 98% cán bộ, giáo viên sử dụng email trong công việc, trong đó có nhiều giáo viên được cấp email theo tên miền ngành giáo dục.

c) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 75/75 (đạt 100%) thủ tục hành chính (TTHC) tiếp nhận tại bộ phận một cửa được thực hiện trên phần mềm VNPT-iGate (trong đó 07 thủ tục hành chính (TTHC) mức độ 4; 12 TTHC mức độ 3).

d) Triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) do UBND tỉnh cung cấp, phần mềm đánh giá công chức do Sở Nội vụ cung cấp:

- Triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice): 100% văn bản đến (không thuộc diện mật) và văn bản đi được xử lý trên phần mềm (văn bản đến được quét và đính kèm vào phần mềm: 5985/5985 (đạt 100%); văn bản đi được quét và đính kèm vào phần mềm: 3.614/5560 (đạt 65%).

- Phần mềm đánh giá công chức: Lãnh đạo, cán bộ, chuyên viên, nhân viên cơ quan Sở GD&ĐT đã xây dựng kế hoạch năm; cuối tháng báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác trên phần mềm.

4.2. Trong tổ chức giáo dục, giảng dạy:

a) Ứng dụng các phần mềm quản lý:

- Bộ GD&ĐT cung cấp miễn phí: Phần mềm thống kê (EMIS online), quản lý nhân sự (PMIS), phần mềm quản lý học sinh (VEMIS), phần mềm quản lý tài chính, phổ cập giáo dục chống mù chữ, phần mềm quản lý thi đua khen thưởng, phần mềm xếp thời khóa biểu, phần mềm quản lý thi THPT quốc gia, thi học sinh giỏi, kiểm định chất lượng giáo dục cho các trường Mầm non, phần mềm quản lý trẻ và dinh dưỡng, phần mềm thống kê chất lượng giáo dục tiểu học, phần mềm quản lý thư viện.

- Phần mềm quản lý nhà trường vnEdu do VNPT Lào Cai và phần mềm Smas do Viettel cung cấp.

- Sở GD&ĐT trang bị: Phần mềm tuyển sinh TIIP.T.

b) Nhiều cơ sở giáo dục đã bố trí phòng máy tính riêng (hoặc bố trí máy tính trong Thư viện) để cán bộ, giáo viên, học sinh được truy cập Internet thuận tiện cho khai thác, trao đổi thông tin nâng cao nhận thức, phục vụ công tác dạy và học, tạo điều kiện cao nhất cho giáo viên tất cả các bộ môn sử dụng phương tiện kỹ

thuật số, sử dụng phần mềm máy tính hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy và học tập (phần mềm xếp thời khóa biểu (TKB), phần mềm trộn đề trắc nghiệm Mcmix, sinh hoạt chuyên môn trên “Trường học kết nối”, phần mềm soạn bài giảng điện tử Lecture Maker, phần mềm soạn thảo văn bản mã nguồn mở OpenOffice.org, trình duyệt web Mozilla FireFox, bộ gõ tiếng Việt Unikey, phần mềm quản lý điểm vnEdu,...).

c) Ứng dụng CNTT đổi mới phương pháp dạy và học: Theo hướng giáo viên tự tích hợp CNTT vào từng môn học để nâng cao hiệu quả bài giảng; số giáo viên có thể ứng dụng CNTT cơ bản để hỗ trợ dạy học (phần mềm trình chiếu, soạn thảo văn bản, khai thác Internet,...): 5.113/5.625 (đạt 90,89%); số giáo viên có thể sử dụng thành thạo các công cụ e-learning (phần mềm Adobe presenter,..) soạn bài giảng: 1.821/5.625 (đạt 32,37%).

d) Tổ chức dạy học Tin học:

- Các cơ sở giáo dục tổ chức dạy học đảm bảo theo đúng chương trình, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Chất lượng môn Tin học năm học 2017-2018: Học sinh đạt loại Giỏi 23,4%, loại Khá 52%, loại Trung bình 22,4%, loại yếu 2,2%; kết quả thi học sinh giỏi cấp quốc gia: 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 khuyến khích.

5. Đánh giá chung:

5.1. Ưu điểm:

- Cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật ứng dụng CNTT trong ngành được quan tâm, đầu tư hàng năm (phòng máy tính, bảng tương tác thông minh, máy quay, máy chiếu, nâng cấp đường truyền Internet,...).

- Cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản có kỹ năng ứng dụng CNTT.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, chỉ đạo, giảng dạy góp phần đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Quy mô trường, lớp, học sinh được học Tin học tăng qua các năm (cấp tiểu học, cấp THCS).

5.2. Tồn tại, hạn chế:

- Điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT chưa đáp ứng được nhu cầu tin học hóa nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy, giáo dục:

+ Thiếu phòng học tin học: Cấp mầm non 139 trường, cấp tiểu học 60 trường, cấp THCS 14 trường; nhiều máy tính đã cũ, hỏng, chưa được nâng cấp, sửa chữa; thiếu phương tiện truyền thông hiện đại: máy quay kỹ thuật số, camera...; một số phần mềm chưa thuận tiện, khả năng ứng dụng còn hạn chế: phần mềm quản lý nhà trường VEMIS; hệ thống đường truyền mạng không ổn định, khó khăn trong tổ chức hoạt động trực tuyến trong ngành.

+ 87 trường hiện đang sử dụng USB 3G (18 của VNPT; 69 của Viettel); 06

trường chưa kết nối internet (do đặt tại các thôn, bản xa, không có hạ tầng Internet, chưa có cột thu, phát sóng; chưa có đường dây cáp quang; chưa có điện).

+ Kinh phí đầu tư để phát triển hạ tầng CNTT còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục.

+ Tần suất học sinh thực hành trên máy tính chưa được nhiều; công tác quản lý, chỉ đạo việc khai thác sử dụng phòng máy tính của một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa hiệu quả; số học sinh được học tin trong các trường Tiểu học, trường THCS còn thấp.

- Đội ngũ giáo viên, kỹ thuật viên tin học thiếu về số lượng, một bộ phận hạn chế về năng lực:

+ Thiếu giáo viên Tin học ở cấp tiểu học (66 giáo viên), cấp THCS (31 giáo viên).

+ Thiếu kỹ thuật viên CNTT ở các phòng GD&ĐT (07 phòng GD&ĐT).

+ Một bộ phận giáo viên hạn chế về năng lực ứng dụng CNTT (nhất là cấp mầm non, tiểu học).

- Triển khai các phần mềm trong quản lý: Chưa đồng bộ, liên thông giữa các cấp học; cùng nội dung quản lý, nhưng triển khai trên nhiều phần mềm khác nhau (quản lý nhân sự, quản lý điểm học sinh); một số phần mềm chưa đáp ứng được công tác quản lý, thống kê (Phần mềm phổ cập giáo dục chống mù chữ, phần mềm quản lý học sinh VEMIS).

- Kỹ năng thao tác, sử dụng máy tính, mạng internet: Một bộ phận giáo viên và học sinh còn hạn chế ảnh hưởng đến công tác đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG CNTT TRONG NGÀNH GD&ĐT LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2018-2025

1. Căn cứ pháp lý:

1.1. Văn bản của Trung ương:

- Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nghị quyết Chính phủ điện tử.

- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”.

- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Thông tư số 03/2014/BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công nghệ thông tin điện tử tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Quyết định số 6200/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Văn bản của tỉnh:

- Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 02/8/2012 của Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Chương trình hành động số 153-CTr/TU ngày 06/01/2014 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học và kế hoạch đầu tư thiết bị dạy học giai đoạn 2016-2020.

- Đề án số 06-ĐA/TU ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2016-2020.

- Chỉ thị số 07-CT/UBND ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai.

- Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển CNTT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020.

- Kế hoạch số 391/KH-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển CNTT tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2017-2020 và năm 2017 trong các cơ quan nhà nước.

- Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2018.

- Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 07/2/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2025.

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 09/3/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2018-2025.

1.3. Căn cứ thực tiễn:

- Thực trạng ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục và Đào tạo: Điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu tin học hóa nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy, giáo dục; cơ sở dữ

liệu chưa liên thông được giữa các phần mềm, các cấp học; giáo viên nòng cốt để triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ sở giáo dục còn thiếu (cấp mầm non, cấp tiểu học).

- CNTT thúc đẩy nền giáo dục mở, giúp mọi người tiếp cận nhiều thông tin, thông tin nhiều chiều, rút ngắn khoảng cách, thu hẹp không gian, tiết kiệm về thời gian, từ đó tiếp cận nhanh hơn về kiến thức, phát triển trí tuệ và tư duy.

- Ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo góp phần đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Ứng dụng CNTT giúp học sinh phương pháp tiếp cận, giải quyết vấn đề, tổ chức các hoạt động học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực của học sinh.

- Yêu cầu của tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

Triển khai giáo dục thông minh trong quản lý, giáo dục, dạy học; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT đảm bảo đồng bộ, từng bước hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, kỹ thuật viên đủ, đảm bảo năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đẩy mạnh triển khai, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

a) Trong quản lý, điều hành:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) quản lý toàn ngành theo hướng liên thông, đồng bộ với CSDL của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng Cổng thông tin điện tử (TTĐT) ngành Giáo dục và Đào tạo (phát triển từ trang TTĐT của Sở GD&ĐT do UBND tỉnh quản lý).

- Triển khai phòng họp trực tuyến (tổ chức họp, tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến).

- 50% hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, trong đó 30% được xử lý trực tuyến ở mức độ 4; 100% văn bản điện tử được ký số.

- 90% các cuộc họp của Sở GD&ĐT với các huyện, thành phố được tổ chức trực tuyến.

- 80% trường mầm non, trường tiểu học; 100% trường THCS, trường THPT có website tổ chức tuyên truyền các hoạt động giáo dục.

- 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành.

b) Trong dạy học và ứng dụng CNTT của CBQL, giáo viên:

- 50% trường mầm non có trẻ em được tiếp cận với Tin học; 95% trường tiểu học, 100% trường THCS, THPT có phòng máy tính và tổ chức giảng dạy môn Tin học.

- 100% cán bộ quản lý giáo dục được tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin.

- 100% giáo viên các cấp học được bồi dưỡng, tập huấn có đủ năng lực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy.

c) Xây dựng lớp học thông minh, thư viện điện tử, phòng truyền thống điện tử, hệ thống học tập trực tuyến (e-learning), thi trực tuyến, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, thẻ học sinh thông minh, trường học điện tử, mô hình học tập trải nghiệm sáng tạo STEM, trung tâm đánh giá năng lực ngoại ngữ.

- Triển khai các giải pháp lớp học thông minh, thư viện điện tử, phòng truyền thống điện tử, hệ thống học tập trực tuyến, thi trực tuyến, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, thẻ học sinh thông minh ở những nơi có điều kiện.

- Thành lập trung tâm đánh giá năng lực ngoại ngữ (trung tâm khảo thí tiếng Anh JETSET).

- Thí điểm triển khai “Trường học điện tử”: Cấp THPT, tại các trường THPT Chuyên, số 1 Lào Cai; cấp Tiểu học, THCS, các huyện/thành phố lựa chọn 01 trường/cấp học để triển khai; khuyến khích các trường có điều kiện nghiên cứu áp dụng.

- Triển khai thí điểm mô hình học tập trải nghiệm sáng tạo STEM tại trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, THCS Lê Quý Đôn (TP Lào Cai), trường THPT Chuyên.

2.3. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2025:

a) Trong quản lý, điều hành:

- 70% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, trong đó 30% được xử lý trực tuyến ở mức độ 4.

- 95% các cuộc họp của Sở GD&ĐT với các huyện, thành phố được tổ chức trực tuyến.

- 100% trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, trường THPT có website tổ chức tuyên truyền các hoạt động giáo dục.

- 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành.

b) Trong dạy học và ứng dụng CNTT của CBQL, giáo viên:

- 70% trường mầm non có trẻ em được tiếp cận với Tin học; 100% trường Tiểu học, trường THCS, THPT có phòng máy tính và tổ chức giảng dạy môn Tin học.

- 100% cán bộ quản lý giáo dục được tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin.

- 100% giáo viên các cấp học được bồi dưỡng, tập huấn có đủ năng lực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy.

c) Xây dựng lớp học thông minh, thư viện điện tử, phòng truyền thông điện tử, hệ thống học tập trực tuyến (e-learning), thi trực tuyến, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, thẻ học sinh thông minh, trường học điện tử, mô hình học tập trải nghiệm sáng tạo STEM.

- Triển khai các giải pháp lớp học thông minh, thư viện điện tử, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, hệ thống học tập e-learning (học sinh tự học), thi trực tuyến, thẻ học sinh thông minh,...

- Triển khai “Trường học điện tử” ở các trường đạt chuẩn quốc gia.

- Triển khai mở rộng mô hình học tập trải nghiệm sáng tạo STEM tại các huyện/thành phố.

3. Nhiệm vụ:

3.1. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị:

- Tiếp tục đầu tư 390 phòng học tin học (trong đó: 164 phòng cho các trường chưa có phòng máy, các trường xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường chất lượng cao; 226 phòng mới thay thế các phòng tin học đã cung cấp từ trước năm 2010 hết khấu hao, không sử dụng được); 125 bảng tương tác thông minh (trường chất lượng cao, trường học đạt chuẩn quốc gia); 305 máy chiếu (hoặc tivi), máy in, thiết bị tổ chức họp trực tuyến trong ngành GD&ĐT, thiết bị tổ chức lớp học thông minh,... cho các cơ sở giáo dục.

- Tiếp tục nâng cấp đường truyền internet, trang thiết bị phục vụ cho ứng dụng CNTT trong quản lý, trong dạy và học.

3.2. Đội ngũ giáo viên:

- Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn CBQL, giáo viên có đủ năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành và dạy học; xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt tại các đơn vị triển khai ứng dụng CNTT; bổ sung đủ số lượng và nâng cao chất lượng giáo viên dạy Tin học.

- Tổ chức các cuộc thi về ứng dụng CNTT: Thiết kế bài giảng e-Learning, giáo viên sáng tạo trên nền tảng CNTT, tổ chức thi kỹ năng ứng dụng CNTT (lựa chọn những mô đun tại Thông tư số 03/2014/BTTTT: Sử dụng máy tính, sử dụng phần mềm tin học văn phòng, sử dụng các phần mềm dạy học,...),...

3.3. Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành:

- Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, hiệu quả cao trong thực hiện cải cách hành chính ngành GD&ĐT. Tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice); chữ ký số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 (VNPT-iGate); cổng thông tin điện tử (<http://sgddt.laocai.gov.vn/>); thư điện tử tỉnh Lào Cai cấp (...@laocai.gov.vn) trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý toàn ngành (Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; quản lý học sinh; quản lý nhân sự); xây dựng phòng họp trực tuyến, lớp học thông minh, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, thư viện điện tử, phòng truyền thông điện tử, hệ thống học tập trực tuyến, thi trực tuyến, thẻ học sinh thông minh, trường học điện tử, mô hình học tập trải nghiệm sáng tạo STEM.

- 100% văn bản không bảo mật được điện tử hóa, quản lý và xử lý trên môi trường mạng.

- Thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung (Bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác).

- Triển khai có hiệu quả website và thư điện tử trong ngành Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ GDĐT.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT.

3.4. Nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học và các môn học khác:

- Mở rộng dạy học tự chọn môn Tin học trong các trường mầm non, tiểu học để đạt mục tiêu trẻ em mầm non, học sinh tiểu học tiếp cận Tin học.

- Cấp Tiểu học: Bước đầu hình thành cho học sinh tư duy giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính; học sinh bước đầu quen với công nghệ số thông qua việc sử dụng máy tính để vui chơi, học tập, xem và tìm kiếm thông tin trên Internet; rèn luyện cho học sinh một số kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy tính; biết bảo vệ sức khỏe khi sử dụng máy tính và Internet.

- Học sinh THCS: Học sinh phát triển tư duy và khả năng giải quyết vấn đề; biết chọn dữ liệu và thông tin phù hợp, hữu ích; học sinh quen thuộc với công nghệ số, dịch vụ và phần mềm thông dụng để phục vụ cuộc sống, học và tự học, giao tiếp và hợp tác được trong cộng đồng; có hiểu biết cơ bản về pháp luật, đạo đức và văn hoá liên quan đến sử dụng tài nguyên thông tin và giao tiếp trên mạng; bước đầu nhận biết được một số ngành nghề chính thuộc lĩnh vực tin học.

- Học sinh THPT: Học sinh có những hiểu biết cơ bản về hệ thống máy tính, một số kỹ thuật thiết kế thuật toán, tổ chức dữ liệu và lập trình; củng cố và phát triển hơn nữa cho học sinh tư duy giải quyết vấn đề, khả năng đưa ra ý tưởng và chuyển giao nhiệm vụ cho máy tính thực hiện; học sinh có khả năng ứng dụng tin học, tạo ra sản phẩm phục vụ cộng đồng và nâng cao hiệu suất công việc; tìm kiếm và trao đổi thông tin theo cách phù hợp, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, ứng xử văn hoá và có trách nhiệm; có hiểu biết thêm một số ngành nghề thuộc lĩnh vực tin học, chủ động và tự tin trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai của bản thân.

- Giáo viên sử dụng phương tiện kỹ thuật số, sử dụng phần mềm máy tính hỗ trợ dạy học đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Giải pháp.

4.1. Giải pháp về nguồn lực:

- Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng; bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ cho ứng dụng CNTT trong quản lý, trong dạy và học (phòng máy tính, bảng tương tác thông minh, máy chiếu, máy in, máy ảnh, ...); xây dựng giáo dục

thông minh (trong quản lý giáo dục, trong hỗ trợ hoạt động dạy và học đáp ứng các yêu cầu về quản lý tập trung, giám sát, liên thông giữa các cấp học, các lĩnh vực khác).

- Tăng cường huy động sự đóng góp của các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân và gia đình học sinh.

4.2. Ứng dụng phần mềm quản lý; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý ngành GD&ĐT:

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục (tập trung, liên thông giữa các cấp học về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; quản lý học sinh; quản lý nhân sự) và thống kê giáo dục thống nhất các cơ sở giáo dục đến các cấp quản lý giáo dục.

- Thuê server riêng cài đặt các phần mềm phổ cập giáo dục chống mù chữ, trường học kết nối, cơ sở dữ liệu quản lý toàn ngành, VNPT-iOffice, VNPT-iGate, cổng thông tin điện tử, ...

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nâng cấp, hoàn thiện một số phần mềm quản lý dữ liệu (phổ cập giáo dục chống mù chữ, trường học kết nối, phần mềm thống kê EMIS online, phần mềm quản lý thư viện).

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Cập nhật kho học liệu số dùng chung (Bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác).

- Các trường xây dựng được trang thông tin điện tử (website).

- Xây dựng lớp học thông minh, thư viện điện tử, phòng truyền thống điện tử, hệ thống học tập trực tuyến (e-learning), thi trực tuyến, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, trường học điện tử; mô hình học tập trải nghiệm sáng tạo STEM (Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Vinaponics; mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Robotics Coder Z; mô hình lớp học 7 in 1; chương trình Gia sư trực tuyến (học như ý); giải pháp khảo thí đánh giá hiệu quả dạy và học; phần mềm học Ngoại ngữ;...), thành lập trung tâm đánh giá năng lực ngoại ngữ.

4.3. Giải pháp về nâng cao chất lượng giáo dục:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về CNTT ở các cấp quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên nòng cốt ở các cơ sở giáo dục, làm đầu mối để triển khai ứng dụng CNTT trong dạy và học, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học một cách hiệu quả và sáng tạo; giới thiệu các phần mềm, tư liệu dạy học, sách điện tử để các đơn vị có cơ sở mua sắm, trang bị,...

- Tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng để nâng cao hiệu quả dạy, học tin học và ứng dụng CNTT đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT (quy định tại Thông tư số 03/2014/BT/TT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Bố trí giáo viên dạy môn Tin học: Phân công giáo viên có chuyên môn về CNTT giảng dạy môn Tin học. Các trường Tiểu học, trường THCS chưa có giáo viên Tin học (nhưng có phòng máy tính) có thể bố trí giáo viên có trình độ CNTT

hướng dẫn học sinh làm quen với tin học hoặc bố trí giáo viên Tin học ở các trường khác với khoảng cách phù hợp dạy cộng quân.

- Mỗi trường THPT xây dựng kho học liệu điện tử (gồm bài giảng điện tử, phần mềm giảng dạy); mỗi phòng GD&ĐT tuyển chọn tư liệu để xây dựng kho học liệu điện tử, trên cơ sở đó xây dựng kho học liệu dùng chung toàn ngành.

- Chú trọng việc rèn kỹ năng cơ bản, cần thiết nhằm phục vụ nhu cầu thực tế của học sinh (kỹ năng sử dụng máy vi tính, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng khai thác tìm kiếm tài nguyên internet,...); tổ chức các giờ thực hành hiệu quả.

- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT tổ chức thi học sinh giỏi môn Tin học cấp trường, chọn cử học sinh dự thi môn Tin học cấp tỉnh, học sinh giỏi cấp quốc gia,...

- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố nghiên cứu, tổ chức thi chọn học sinh giỏi môn Tin học; triển khai các cuộc thi có ứng dụng CNTT.

4.4. Giải pháp về xã hội hóa giáo dục:

Đề nghị VNPT Lào Cai, Viettel Lào Cai tiếp tục cung cấp, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho ngành giáo dục (đường truyền Internet; hỗ trợ xây dựng giáo dục thông minh), xây dựng các ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục và Đào tạo, trang bị phòng thực hành tin học, triển khai các phần mềm phục vụ cho quản lý, trong dạy và học.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí: 188.177 triệu đồng (có biểu diễn giải chi tiết kèm theo).

- Giai đoạn 2018-2020: 68.208 triệu đồng.

- Giai đoạn 2021-2025: 119.969 triệu đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hàng năm, lập dự toán gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch triển khai; chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên.

- Tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị, hàng năm báo cáo UBND tỉnh.

2. Các Sở, ngành liên quan:

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn các chương trình, dự án, chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm để thực hiện kế hoạch.

- **Sở Tài chính:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cân đối ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện kế hoạch. Kiểm tra việc sử dụng kinh

phí, quyết toán kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- **Sở Nội vụ:** Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT tham mưu UBND tỉnh việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên. cán bộ chuyên trách Tin học; cơ chế tuyển chọn giáo viên, cán bộ chuyên trách Tin học.

- **Sở Thông tin và Truyền thông:** Phối hợp với Sở GD&ĐT triển khai các nội dung ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch.

3. UBND các huyện, thành phố:

- Tăng cường huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT một cách đồng bộ; bổ sung giáo viên, cán bộ chuyên trách Tin học cho các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống hạ tầng CNTT.

- UBND thành phố Lào Cai chỉ đạo Phòng GD&ĐT thành phố tích cực nghiên cứu triển khai thí điểm các giải pháp giáo dục thông minh: Trường học điện tử; lớp học thông minh; mô hình học tập trải nghiệm sáng tạo STEM ở cấp tiểu học, cấp THCS...

Căn cứ nội dung kế hoạch, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- VNPT Lào Cai, Viettel Lào Cai;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, TH1, VX1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Thanh


TỔNG CỤC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU KHIỂN PHÍ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN CNTT TRONG NGÀNH GD&ĐT GIAI ĐOẠN 2018-2020
theo Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện
I	Danh mục đầu tư đã được giao tại Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh				45.720	
1	Dầu tư phòng máy tính					Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học và kế hoạch đầu tư thiết bị dạy học giai đoạn 2016-2020
1.1	Dầu tư cho các trường chưa có phòng máy tính					
-	Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường Mầm non (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)	Phòng	40	100	4.000	
-	Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường TH (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)	Phòng	60	250	15.000	
-	Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường THCS (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)	Phòng	14	280	3.920	
1.2	Đầu tư bổ sung thay các phòng máy tính cũ (không sử dụng được)					
-	Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường Mầm non (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)	Phòng	27	100	2.700	
-	Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường TH (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)	Phòng	18	250	4.500	
-	Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường THCS, THPT (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)	Phòng	20	280	5.600	
2	Bảng tương tác thông minh	Cái	50	200	10.000	
II	Danh mục đầu tư mới				22.488	
1	Kinh phí xây dựng Hệ thống thông tin tổng thể và CSDL ngành giáo dục		1	550	6.000	Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 07/2/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2018-2025
2	Xây dựng môi trường học tập trực tuyến (e-learning); thi trực tuyến				1.000	
3	Thư viện điện tử				1.500	
4	Thẻ học sinh thông minh				1.800	

5	Mô hình học tập liên môn sáng tạo STEM					Sự nghiệp giáo dục
-	Mô hình học tập liên môn sáng tạo STEM Vinaponics.	Trường	3	1.914	5.742	
-	Mô hình học tập liên môn sáng tạo STEM Robotics Coder Z.	Trường	1	1.214	1.214	
-	Phòng học đa năng (lục giác)	Trường	1	3.163	3.163	
6	Trang bị máy chiếu (projector) cho các trường chưa có	Cái	105	15	1.575	Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020
7	Tổ chức cuộc thi Tin học trẻ cho học sinh	Lần	2	55	110	
8	Tập huấn cho cán bộ, quản lý, giáo viên về UDCNTT					
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lý	lớp	12	8	96	Sự nghiệp giáo dục
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	12	8	96	
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	24	8	192	
	Tổng số				68.208	


TỔNG THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN CNTT TRONG NGÀNH GD&ĐT GIAI ĐOẠN 2021-2025

theo Kế hoạch số 157 /KH-UBND ngày 07 /5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện
1	Đầu tư phòng máy tính					
1.1	Đầu tư cho các trường chưa có phòng máy tính					
	<i>Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường Mầm non (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)</i>	Phòng	50	100	5.000	Sự nghiệp giáo dục
1.2	Đầu tư bổ sung thay các phòng máy tính cũ (không sử dụng được)					
-	<i>Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường Mầm non (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)</i>	Phòng	40	100	4.000	
-	<i>Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường TH (Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...)</i>	Phòng	50	250	12.500	
-	<i>(Bàn, ghế, bàn, máy tính, nguồn điện,...) Trang bị phòng thực hành Tin học cho các trường THICS, THPT</i>	Phòng	60	280	16.800	
2	Bảng tương tác thông minh	Cái	75	200	15.000	
3	Mô hình lớp học thông minh				1.500	Quyết định 487/QĐ-UBND ngày 07/2/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2018-2025
4	Nâng dựng môi trường học tập trực tuyến (e-learning); thi trực tuyến				2.300	
5	Thư viện điện tử				1.500	
6	Thế học sinh thông minh				1.000	
7	Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM					Sự nghiệp giáo dục
-	<i>Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Vinaponics.</i>	Trường	9	1.914	17.226	
-	<i>Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Robotics Coder Z.</i>	Trường	9	1.214	10.926	
-	<i>Phòng học tương tác đa năng</i>	Trường	9	3.163	28.467	
8	Trang bị máy chiếu (projector) cho các trường chưa có	Cái	200	15	3.000	
9	Tổ chức cuộc thi Tin học trẻ cho học sinh	Lần	2	55	110	
10	Tập huấn cho cán bộ, quản lý, giáo viên về UDCNTT					
-	<i>Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lý</i>	lớp	20	8	160	
-	<i>Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT</i>	lớp	20	8	160	
-	<i>Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác</i>	lớp	40	8	320	
	Tổng số				119.969	


ĐỘNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG NGÀNH GD&ĐT LÀO CAI NĂM 2018
theo Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 07/15/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

TT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Phát triển Công thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo	Hoàn thành trước quý 4/2018	
2	Triển khai phòng họp trực tuyến	Hoàn thành trong quý 2/2018	
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý toàn ngành Giáo dục và Đào tạo	Triển khai từ quý 3/2018	
4	Đầu tư phòng thực hành Tin học; chỉ đạo mở rộng quy mô dạy học tin học ở các cấp học (Cấp MN: 10 phòng; Tiểu học: 40 phòng; THCS: 14 phòng; THPT: 9 phòng)	Hoàn thành trước quý 4/2018	
5	Triển khai thí điểm mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM	Triển khai từ quý 3/2018	
-	Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Vinaponics.	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, THCS Lê Quý Đôn (TP Lào Cai), trường THPT Chuyên	
-	Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Robotics Coder Z.		Thành lập các câu lạc bộ tại các trường
-	Phòng học tương tác đa năng 7 trong 1 cấp THPT	Trường THPT Chuyên	
6	Thí điểm triển khai lớp học thông minh	Triển khai từ quý 3/2018	
7	Thành lập trung tâm khảo thí tiếng Anh JETSET	Triển khai từ quý 3/2018	
8	Trình duyệt văn bản trên phần mềm VNPT-iOffice do UBND tỉnh triển khai (tối thiểu 70% văn bản được trình duyệt trên phần mềm); 100% văn bản điện tử được ký số.		
9	Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (E-office) do Bộ GD&ĐT triển khai		
10	Sử dụng hệ thống thư điện tử @laocai.gov.vn		



Biểu 2a:

TRƯỜNG PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2018-2020
 theo Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: phòng

TT	Nội dung	Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020					Tổng cộng				
		Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT
1	Đầu tư các trường chưa có phòng thực hành tin học	64	10	40	14	0	35	15	20	0		15	15	0	0	0	114	40	60	14	0
2	Đầu tư thay thế phòng thực hành tin học đã cũ	22	6	6	6	4	21	6	6	6	3	33	15	6	8	4	76	27	18	20	11
	Cộng	86	16	46	20	4	56	21	26	6	3	48	30	6	8	4	190	67	78	34	11



Biểu 2b:

QUANG PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025
 theo Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 07/15/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: phòng

TT	Nội dung	Năm 2021					Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025					Tổng số				
		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
1	Đầu tư các trường chưa có phòng thực hành tin học	10	10	0	0	0	10	10	0	0	0	10	10	0	0	0	10	10	0	0	0	10	10	0	0	0	50	50	0	0	0
2	Đầu tư thay thế phòng thực hành tin học đã cũ	30	8	10	9	3	30	8	10	9	3	30	8	10	9	3	30	8	10	9	3	30	8	10	9	3	150	40	50	45	15
	Cộng	40	18	10	9	3	40	18	10	9	3	40	18	10	9	3	40	18	10	9	3	40	18	10	9	3	200	90	50	45	15

Ghi chú:

- Phòng thực hành Tin học cấp Mầm non gồm 08 máy tính, phần mềm, bàn ghế học sinh;
- Phòng thực hành Tin học cấp Tiểu học, THCS, THPT gồm 21 máy tính, phần mềm, bàn ghế học sinh.

Biểu 3a:



PHÍ ĐẦU TƯ PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC GIAI ĐOẠN 2018-2020
 theo Kế hoạch số 157 /KH-UBND ngày 07/15/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020					Tổng cộng				
		Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT
1	Đầu tư các trường chưa có phòng thực hành tin học	14.920	1.000	10.000	3.920	0	6.500	1.500	5.000	0	0	1.500	1.500	0	0	0	22.920	4.000	15.000	3.920	0
2	Đầu tư thay thế phòng thực hành tin học đã cũ	4.900	600	1.500	1.680	1.120	4.620	600	1.500	1.680	840	6.360	1.500	1.500	2.240	1.120	15.880	2.700	4.500	5.600	3.080
	Cộng	19.820	1.600	11.500	5.600	1.120	11.120	2.100	6.500	1.680	840	7.860	3.000	1.500	2.240	1.120	38.800	6.700	19.500	9.520	3.080



PHÍ ĐẦU TƯ PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025
 theo Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021					Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025					Tổng số				
		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
1	Đầu tư các trường chưa có phòng thực hành tin học	1.000	1.000	0	0	0	1.000	1.000	0	0	0	1.000	1.000	0	0	0	1.000	1.000	0	0	0	1.000	1.000	0	0	0	5.000	5.000	0	0	0
2	Đầu tư thay thế phòng thực hành tin học đã cũ	6.660	800	2.500	2.520	840	6.660	800	2.500	2.520	840	6.660	800	2.500	2.520	840	6.660	800	2.500	2.520	840	6.660	800	2.500	2.520	840	33.300	4.000	12.500	12.600	4.200
	Cộng	7.660	1.800	2.500	2.520	840	7.660	1.800	2.500	2.520	840	7.660	1.800	2.500	2.520	840	7.660	1.800	2.500	2.520	840	7.660	1.800	2.500	2.520	840	38.300	9.000	12.500	12.600	4.200

Ghi chú:

- Phòng thực hành Tin học cấp Mầm non gồm 08 máy tính, phần mềm, bàn ghế học sinh;
- Phòng thực hành Tin học cấp Tiểu học, THCS, THPT gồm 21 máy tính, phần mềm, bàn ghế học sinh.


KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MÁY CHIẾU/ TÌ VI GIAI ĐOẠN 2018-2025

theo Kế hoạch số 157 /KH-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Cái

Nội dung	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2021-2025						Tổng số
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cộng	
Máy chiếu/ Tì vi đầu tư	35	35	35	105	40	40	40	40	40	200	305


PHÍ ĐẦU TƯ MÁY CHIẾU/TI VI GIAI ĐOẠN 2018-2025

theo Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 07/15/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2021-2025						Tổng số
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cộng	
Máy chiếu/ Ti vi đầu tư	525	525	525	1.575	600	600	600	600	600	3.000	4.575


PHÍ TỐ CHỨC THI VÀ TẬP HUẤN CÁN BỘ, GIÁO VIÊN
Kế hoạch số 157 /KH-UBND ngày 07 /5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	GIAI ĐOẠN 2018-2020				
1	Tổ chức cuộc thi Tin học trẻ cho học sinh				384
1.1	Năm 2018	Lần	1	55	55
1.2	Năm 2020	Lần	1	55	55
1.3	Năm 2022	Lần	1	55	55
1.4	Năm 2024	Lần	1	55	55
2	Tập huấn cho cán bộ, quản lý, giáo viên về UDCNTT				
2.1	Năm 2018:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lý	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64
2.2	Năm 2019:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lý	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64
2.3	Năm 2020:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lý	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64

II	GIẢI ĐOẠN 2021				640
1	Năm 2021:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lí	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64
2	Năm 2022:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lí	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64
3	Năm 2023:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lí	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64
4	Năm 2024:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lí	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64
5	Năm 2025:				
-	Tập huấn về UDCNTT cho cán bộ quản lí	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên chuyên trách về CNTT	lớp	4	8	32
-	Tập huấn về UDCNTT cho giáo viên bộ môn khác	lớp	8	8	64
	Tổng cộng				1.024


PHÍ CHI TIẾT NỘI DUNG BỒI DƯỠNG CBQL, GIÁO VIÊN (01 LỚP)
Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 07/15/2018 của UBND tỉnh Lào Cai

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Danh mục dự toán chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (nghìn đồng)	Thành tiền	
1	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT	Kinh phí in tài liệu và văn phòng phẩm:					
		<i>a. Kinh phí làm tài liệu:</i>					
		- Photo tài liệu bồi dưỡng: 45 bộ x 150 trang x 500 đ/tờ	Bộ	45	75	3.375	
			- Bìa: 45 bộ x 2000 đ/bộ	Bộ	45	2	90
	- Thời gian:	<i>b. Kinh phí mua Văn phòng phẩm:</i>					
		- Bút phốt: 15 chiếc/1 lớp x 1 lớp x 2 ngày x 8.000 đ/chiếc	Cái	30	8	240	
		- Giấy A0: 20 tờ/1 lớp x 1 lớp x 2 ngày x 6.000 đ/tờ	Tờ	40	6	240	
		- Nam châm 8 cái/lớp x 1 lớp x 3.000 đ/cái	Cái	8	3	24	
		- Bảng dính 3 Cuộn/lớp x 1 lớp x 8.000 đ/cuộn	Cuộn	3	8	24	
		- Kéo 4 cái/lớp x 1 lớp x 10.000 đ/cái	Cái	4	10	40	
	- Địa điểm tập huấn:	- Giấy A4: 1 gram/1 lớp x 1 lớp x 70.000 đ/gram	gram	1	70	70	
		- Phần trắng: 1 Hộp x 5000 đ/hộp	hộp	1	5	5	
		Kinh phí bồi dưỡng giảng viên:					
	- Thành phần:	10 tiết/ngày x 2 ngày x 70000 đ/tiết x 1 lớp	Tiết	20	70	1.400	
		Kinh phí phục vụ, nước uống lớp bồi dưỡng:					
	- Số lượng tham gia: 45	- 20000 đ/người/ngày x 45 người x 2 ngày		90	20	1.800	
		- Kinh phí phục vụ LII: 1 người/lớp x 50000 đ/ngày x 1 lớp x 2 ngày		2	50	100	
Chi phí cho phòng học							
	- Tiền điện : 300.000 đ x 2 ngày x 1 phòng		2	300	600		
	Cộng 1				8.008		

DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THI TIN HỌC TRẺ

(Kèm theo Kế hoạch số 157 /KH-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung diễn giải chi tiết	Dự toán kinh phí (DVT: nghìn đồng)
	Kinh phí tổ chức thi Tin học trẻ	55.933
	Số lượng tham dự: 120 học sinh	
	Địa điểm: Tại thành phố Lào Cai	
	Thời gian: Tháng 3	
1	Kinh phí cho Ban ra đề, coi, chấm thi	34.768
1.1	Ban ra đề thi(5 ngày)	18.605
-	Trưởng ban: 1 người x 250 x 5 ngày x 70%	875
-	Phó Trưởng ban: 3 người x 200 x 5 ngày x 70%	2.100
-	Thư ký: 3 người x 160 x 5 ngày x 70%	1.680
-	Ủy viên: 10 người x 350 x 5 ngày x 70%	12.250
-	Nước uống: 17 người x 20 x 5 ngày	1.700
1.2	Ban coi thi	2.527
-	Trưởng ban: 1 người x 190 x 1 ngày x 70%	133
-	Phó Trưởng ban: 2 người x 180 x 1 ngày x 70%	252
-	Thư ký HĐ: 3 người x 150 x 1 ngày x 70%	315
-	Giám thị: 14 người x 150 x 1 ngày x 70%	1470
-	Bảo vệ: 1 người x 70 x 1 ngày x 70%	49
-	Phục vụ, y tế: 2 người x 70 x 1 ngày x 70%	98
-	Nước uống: 23 người x 20 x 1 ngày	210
1.3	Ban chấm thi (04 ngày)	13.636
-	Trưởng ban: 1 người x 220 x 4 ngày x 70%	616
-	Phó trưởng ban: 3 người x 180 x 4 ngày x 70%	1.512
-	Thư ký HĐ: 4 người x 150 x 4 ngày x 70%	1.680
-	Giám khảo (10 người) : 240 bài x 45 x 70%	7.560
-	Bảo vệ: 1 người x 70 x 4 ngày x 70%	196
-	Phục vụ, y tế: 2 người x 70 x 4 ngày x 70%	392
-	Nước uống: 21 người x 20 x 4 ngày	1.680
2	Kinh phí khen thưởng	12.630
-	Nhất cá nhân toàn cuộc: 3 giải x 500	500
-	Nhì cá nhân toàn cuộc: 10 giải x 400	2.000
-	Ba cá nhân toàn cuộc: 20 giải x 300	3.000
-	Nhất toàn đoàn: 1 giải x 1000	1.000

-	Nhi toàn đoàn: 2 giải x 800	1.600
-	Ba toàn đoàn: 3 giải x 600	1.800
-	Giấy chứng nhận + Khung 49 cái x 70	2.730
3	Ấn phẩm phục vụ hội thi	8.535
-	Giấy A4: 20 gram x 70	1.400
-	Bi dựng đề thi hướng dẫn làm bài 100 cái x 5000đ	500
-	Bi dựng bài thi từng phòng thi 100 cái x 5000đ	500
-	Keo dán: 20 lọ x 7	140
-	Gim cài: 20 hộp x 5	100
-	Bút bi đen: 40 cái x 4	160
-	Bút bi đỏ: 40 cái x 4	160
-	Phấn viết bảng: 5 hộp x 5	25
-	Giấy thi làm bài: 300 tờ x 1	300
-	Bút dạ viết bảng phooc: 30 cái x 10	300
-	Băng dính bàn to, loại bản trắng: 5 cuộn x 30	150
-	Maket phong chính cho khai mạc và tổng kết: 2 cái x 700	1.400
-	Băng rôn tuyên truyền: 2 cái x 500	1.000
-	In phù hiệu, ghi số Hội thi: 80 cái x 15	1.200
-	Nước uống phục vụ học sinh tham dự hội thi: 120 người x 10	1.200

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ BẢNG TƯƠNG TÁC THÔNG MINH GIAI ĐOẠN 2017 - 2025

theo Kế hoạch số 457/KH-UBND ngày: 07/15/2018 của UBND tỉnh Lào Cai



Nội dung	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2021-2025						Tổng số	Ghi chú
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng		
Bảng tương tác thông minh (ĐVT: Cái)	16	17	17	50	15	15	15	15	15	75	125	



QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ KINH PHÍ BẢNG TƯƠNG TÁC THÔNG MINH GIAI ĐOẠN 2018 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 157/KH-UBND) ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Biểu 10

Nội dung	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2021-2025						Tổng số	Ghi chú
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng		
Bảng tương tác thông minh (DVT: Cái)	3.200	3.400	3.400	10.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	15.000	25.000	



Biểu 11

PHÍ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỌC TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO STEM

theo Kế hoạch số 457 /KH-UBND ngày 07/15/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM				
1	Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Vinaponics.	1	1.914	1.914	
2	Mô hình học trải nghiệm sáng tạo STEM Robotics Coder Z.	1	1.214	1.214	
3	Phòng học tương tác đa năng 7 trong 1 cấp THPT	1	3.163	3.163	
Tổng số				6.291	